

THƯ MỤC

TẠP CHÍ KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN SỐ 249 THÁNG 3 NĂM 2018

Trung tâm Thông tin Thư viện trân trọng giới thiệu Thư mục Tạp chí Kinh tế và Phát triển số 249 tháng 3 năm 2018.

1. Chất lượng quản trị công cấp tỉnh và mức sống hộ gia đình: Bằng chứng mới từ cuộc Điều tra Khảo sát Mức sống Dân cư 2016/ Trần Quang Tuyền, Vũ Văn Hương// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 249 tháng 3/2018 .- Tr. 2 – 10

Tóm tắt: Bài viết đánh giá ảnh hưởng của chất lượng quản trị công cấp tỉnh tới mức sống hộ gia đình ở Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng mô hình kinh tế lượng vi mô với dữ liệu lấy từ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2016 (PCI) và cuộc Khảo Sát Mức Sống Dân Cư (VHLSS) ở Việt Nam năm 2016. Bằng việc kết hợp dữ liệu cấp tỉnh và hộ gia đình, nghiên cứu đã lượng hóa tác động của chất lượng quản trị công của tỉnh tới mức sống dân cư được đo bằng thu nhập và đói nghèo, với điều kiện có kiểm soát các đặc điểm của hộ gia đình và vùng miền. Bài viết đã cung cấp bằng chứng kinh tế lượng rằng chất lượng quản trị công cấp tỉnh có tác động tích cực tới thu nhập cũng như tăng khả năng thoát nghèo của các hộ gia đình ở Việt Nam. Phát hiện của bài viết cung cấp những hàm ý chính sách cho việc hoàn thiện hơn nữa chất lượng quản trị công cấp tỉnh ở Việt Nam.

Từ khóa: Quản trị công cấp tỉnh; Mức sống hộ gia đình; PCI; Thu nhập; Đói nghèo

2. Xác định sự chuyển đổi trạng thái tỷ suất sinh lợi chứng khoán trên thị trường Việt Nam: Tiếp cận bằng mô hình chuyển trạng thái Markov/ Trần Thị Tuấn Anh// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 249 tháng 3/2018 .- Tr. 11 – 19

Tóm tắt: Với dữ liệu về chỉ số chứng khoán VNindex thu thập trên thị trường HOSE trong giai đoạn từ 02/01/2008 đến 22/4/2017, việc áp dụng mô hình chuyển trạng thái Markov đã giúp tìm thấy bằng chứng thống kê cho sự tồn tại của hai trạng thái giá lên (bull) và trạng thái giá xuống (bear) của chỉ số VNindex trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Xác suất duy trì trạng thái khá cao, nghĩa là khả năng để một ngày ở trạng thái bear tiếp theo một ngày ở trạng thái bear, hoặc một ngày ở trạng thái bull tiếp theo một ngày ở trạng thái bull là khá cao. Đối với nhà đầu tư, việc dự đoán được thị trường sẽ ở trạng thái bull hay bear cũng giúp nhà đầu tư hoạch định được chiến lược đầu tư tối ưu. Bài viết với việc áp dụng mô hình chuyển trạng thái Markov trên thị trường chứng khoán Việt Nam đã giúp các nhà phân tích định lượng có thêm một công cụ phân tích dữ liệu chứng khoán hiệu quả để làm cơ sở cho các quyết định đầu tư.

Từ khóa: Chuyển trạng thái; Mô hình chuyển trạng thái Markov; Xác suất chuyển trạng thái; Thị trường chứng khoán Việt Nam; Tỷ suất sinh lợi chứng khoán

3. Đánh giá các nhân tố tác động đến tỷ lệ thanh khoản của các ngân hàng thương mại Việt Nam/Thái Văn Đại, Trần Việt Thanh Trúc// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 249 tháng 3/2018 .- Tr. 20 – 29

Tóm tắt: Mục tiêu của bài viết là nghiên cứu các nhân tố tác động và mức độ ảnh hưởng đến tỷ lệ thanh khoản tại các ngân hàng thương mại ở Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng mô hình tác động cố định - FEM ước lượng tỷ lệ thanh khoản của 24 ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn 10 năm (2006-2015). Kết quả nghiên cứu cho thấy các biến quy mô ngân hàng (SIZE), tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn (CAP), rủi ro tín dụng (LLP), tỷ lệ cho vay trên tổng tài sản (TLA), tỷ lệ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) là những nhân tố tác động ngược chiều và có ý nghĩa thống kê đến tỷ lệ thanh khoản. Riêng biến khả năng sinh lợi (ROE) có tác động cùng chiều đến tỷ lệ thanh khoản của các ngân hàng thương mại.

Từ khóa: Tỷ lệ thanh khoản; Rủi ro thanh khoản; Ngân hàng thương mại Việt Nam

4. Ảnh hưởng của đặc điểm quản trị công ty đến mức độ công bố thông tin tự nguyện của các công ty niêm yết ở Việt Nam/ Phạm Hoài Hương, Trần Thùy Uyên// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 249 tháng 3/2018 .- Tr. 30 – 37

Tóm tắt: Nghiên cứu nhằm nhận diện các yếu tố thuộc đặc điểm quản trị công ty ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin tự nguyện của các công ty niêm yết ở Việt Nam. Nghiên cứu được thực hiện dựa trên dữ liệu được thu thập từ báo cáo thường niên của 100 công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam và sử dụng mô hình hồi qui đa biến. Kết quả nghiên cứu chỉ ra 4 yếu tố thuộc đặc điểm quản trị công ty có ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin tự nguyện của các công ty niêm yết ở Việt Nam, bao gồm: mức độ độc lập của hội đồng quản trị, tỷ lệ thành viên nữ trong hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu quản lý, và tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Từ đó, các qui định của nhà nước đối với công ty cần hướng đến tăng cường mức độ độc lập của hội đồng quản trị, khuyến khích thành viên nữ tham gia hội đồng quản trị, hạn chế sở hữu quản lý, và tạo điều kiện thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam nhằm cải thiện mức độ công bố thông tin tự nguyện của các công ty niêm yết.

Từ khóa: Công bố thông tin trên báo cáo thường niên; Công bố thông tin tự nguyện; Đặc điểm quản trị công ty

5. Các nhân tố tác động đến ý định sử dụng dịch vụ viễn thông di động 4G của khách hàng tại Việt Nam/ Nguyễn Thanh Hiền, Lê Thị Thu Thủy, Đào Trung Kiên// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 249 tháng 3/2018 .- Tr. 38 – 49

Tóm tắt: Mô hình nghiên cứu được thiết lập từ lý thuyết khuếch tán đổi mới, mô hình chấp nhận công nghệ (TAM), lý thuyết chất lượng dịch vụ, sự hài lòng khách hàng và chi phí chuyển đổi, nhằm đánh giá ý định chuyển đổi từ dịch vụ 2G, 3G sang sử dụng 4G cho

thị trường Việt Nam. Sử dụng các phân tích định lượng (Cronbach Alpha test, CFA, SEM) từ 247 khách hàng đang sử dụng các dịch vụ viễn thông di động, cho thấy ý định sử dụng dịch vụ 4G chịu ảnh hưởng của cả 9 nhân tố đề xuất. Trong đó, chi phí chuyển đổi có tác động tiêu cực đến ý định sử dụng dịch vụ.

Từ khóa: Ý định sử dụng; Giá trị kỳ vọng; Ảnh hưởng xã hội; Chi phí chuyển đổi; TAM

6. Môi trường, thái độ và sự thực hiện công việc của nhân viên: Nghiên cứu trường hợp sân bay Tân Sơn Nhất/ Trịnh Thuỳ Anh, Trần Kỳ Bảo Trân// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 249 tháng 3/2018 .- Tr. 50 – 60

Tóm tắt: Nghiên cứu này nhằm xác định mối quan hệ giữa môi trường làm việc, thái độ, hành vi và sự thực hiện công việc của nhân viên tại sân bay Tân Sơn Nhất. Phương pháp định tính và định lượng với phân tích cấu trúc tuyến tính được sử dụng trong nghiên cứu này. Kết quả cho thấy môi trường làm việc (bao gồm văn hoá doanh nghiệp, mối quan hệ với cấp trên, và bầu không khí nơi làm việc) tác động đến thái độ của nhân viên (thể hiện qua đam mê làm việc và sự chủ động làm việc của nhân viên). Môi trường làm việc và hành vi nhân viên cũng có tác động trực tiếp đến kết quả làm việc. Từ đó nghiên cứu gợi ý một số chính sách để xây dựng môi trường làm việc tích cực nhằm thúc đẩy nhân viên có thái độ và hành vi phù hợp, nhằm nâng cao kết quả làm việc của nhân viên.

Từ khóa: Môi trường làm việc; Thái độ tích cực; Hành vi tích cực; Kết quả làm việc của nhân viên

7. Mối quan hệ giữa các yếu tố cấu thành tài sản thương hiệu điểm đến: trường hợp thành phố Hội An, Việt Nam/ Trần Trung Vinh, Lê Văn Huy, Lê Thị Bích Trâm, Trần Thị Kim Phương// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 249 tháng 3/2018 .- Tr. 61 – 71

Tóm tắt: Nghiên cứu nhằm kiểm định mối quan hệ giữa các yếu tố cấu thành tài sản thương hiệu điểm đến. Mẫu được thu thập từ 275 khách du lịch nội địa đã và đang đi du lịch tại Hội An. Kết quả phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) cho thấy: (1) nhận biết thương hiệu điểm đến có ảnh hưởng tích cực đến hình ảnh thương hiệu điểm đến và chất lượng cảm nhận điểm đến nhưng không có sự tác động thuận chiều đến trung thành thương hiệu điểm đến; (2) hình ảnh thương hiệu điểm đến ảnh hưởng thuận chiều đến chất lượng cảm nhận điểm đến và trung thành thương hiệu điểm đến; (3) chất lượng cảm nhận điểm đến có tác động tích cực đến trung thành thương hiệu điểm đến. Dựa trên kết quả nghiên cứu, một số hàm ý chính sách được đề xuất cho các nhà quản trị điểm đến Hội An.

Từ khóa: Tài sản thương hiệu điểm đến; Du khách nội địa; Hội An; SEM

8. Đầu tư công thông qua công tác đấu thầu trên địa bàn tỉnh Cà Mau/ Nguyễn Phước Hoàng// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 249 tháng 3/2018 .- Tr. 72 – 82

Tóm tắt: Mục tiêu của bài viết này là xác định hiệu quả trong đầu tư công thông qua công tác đấu thầu trên địa bàn tỉnh Cà Mau của các chủ đầu tư tổ chức đấu thầu, bài viết sử dụng lý thuyết thông tin bất cân xứng của Akerlof (1970) để phát triển các giả thuyết nghiên cứu liên quan. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp từ 500 gói thầu (giai đoạn 2009-2016) và sử dụng mô hình hồi quy bội để kiểm định khả năng tương quan. Kết quả nghiên cứu cho biết số lượng nhà thầu tham dự (N), nguồn vốn bố trí cho gói thầu (C), chủ đầu tư (O) và tổng mức đầu tư (TI) có tác động cùng chiều lên tỷ lệ giảm giá (RR). Đồng thời, yếu tố về người phê duyệt kết quả đấu thầu (D) và thời gian thực hiện hợp đồng (CT) có tác động ngược chiều với tỷ lệ giảm giá (RR). Ngoài ra, yếu tố loại công trình (GP) không có tác động đến tỷ lệ giảm giá (RR). Bài viết cũng cung cấp những hàm ý về chính sách nhằm nâng cao hiệu quả đối với công tác đấu thầu để quản lý tốt vốn đầu tư công.

Từ khóa: Đấu thầu; Tỉnh Cà Mau; Khung pháp lý; Đầu tư công

9. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người học đối với chất lượng đào tạo các khóa học ngắn hạn: Khảo sát thực nghiệm tại trường cao đẳng nghề du lịch Đà Nẵng/ Phan Thanh Hải, Dương Phú Khải Trí// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 249 tháng 3/2018 .- Tr. 83 – 93

Tóm tắt: Nghiên cứu này được thực hiện trên cơ sở thu thập dữ liệu từ 274 học viên nhằm đo lường các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người học đối với chất lượng dịch vụ đào tạo các khóa học ngắn hạn. Các phương pháp thống kê mô tả, kiểm định Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích nhân tố khẳng định (CFA) và phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) được sử dụng trong nghiên cứu. Trên cơ sở tổng hợp lý thuyết và thực hiện nghiên cứu định lượng, kết quả nghiên cứu thực tiễn tại trường Cao đẳng nghề Du lịch Đà Nẵng cho thấy: (1) Chất lượng kỹ thuật, (2) Chất lượng chức năng, (3) Hình ảnh của nhà trường đều có mối quan hệ thuận chiều với Sự hài lòng của người học. Đồng thời, chất lượng kỹ thuật và chất lượng chức năng cũng có tác động thuận chiều đến Hình ảnh. Kết quả của nghiên cứu này là cơ sở khoa học để cho các nhà quản lý đưa ra những quyết định phù hợp nhằm cải thiện chất lượng đào tạo các khóa học ngắn hạn của nhà trường.

Từ khóa: Sự hài lòng của người học; Chất lượng dịch vụ đào tạo; Nhà trường; Du lịch; Khóa học ngắn hạn

10. Huy động và sử dụng vốn cho đầu tư phát triển tại thành phố Hải Phòng/ Nguyễn Thị Thanh Nhân// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 249 tháng 3/2018 .- Tr. 94 – 102

Tóm tắt: Bài viết chỉ rõ sự đa dạng về thành phần trong phương thức huy động, sự linh hoạt trong cơ cấu sử dụng vốn đầu tư phát triển là yếu tố quan trọng để mỗi địa phương,

quốc gia phát huy nguồn lực, lợi thế cạnh tranh. Dựa trên cơ sở dữ liệu về lượng vốn đầu tư phát triển tại thành phố Hải Phòng từ năm 2001 đến nay, nghiên cứu cho thấy tổng vốn đầu tư phát triển tăng nhanh, trong đó đầu tư khu vực nhà nước tăng nhanh về số tuyệt đối, giảm mạnh về tỷ trọng, đóng vai trò “vốn mồi” thu hút vốn đầu tư ngoài nhà nước, tăng nội lực, tạo sức hấp dẫn thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Căn cứ dự báo về nhu cầu vốn đầu tư phát triển dài hạn của Hải Phòng, bài viết gợi mở hàm ý chính sách về huy động và sử dụng vốn cho mỗi nguồn vốn và cơ chế giám sát kế hoạch tổng thể đầu tư phát triển.

Từ khóa: Vốn đầu tư phát triển; Nguồn vốn; Huy động vốn; Sử dụng vốn

Trung tâm Thông tin Thư viện